

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 15-11-2019

V/v Tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Văn Vui**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Hồng**

2. Bà **Đặng Thị Lệ**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà **Đặng Thị Nghĩa** – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 217/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2019 về “Tranh chấp Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 218/2019/QĐXX-ST ngày 31 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị Ngọc B**, sinh năm 1989 (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Chỗ ở hiện nay: 34/1 đường số 8, phường X, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Anh **Ngô Hoàng S**, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 5 năm 2019 và những lời khai khác có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc B trình bày:***

Hôn nhân giữa chị và anh Ngô Hoàng S do tự tìm hiểu quen biết tiến tới hôn nhân, được gia đình hai bên đồng ý có tổ chức lễ cưới vào ngày 26 tháng 4 năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long ngày 21 tháng 3 năm 2007. Sau ngày cưới vợ chồng sống chung gia đình chồng tại ấp A, xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long đến tháng 9 năm 2010 vợ chồng thuê nhà trọ tại khu phố 3, phường X, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh sinh sống, chị làm công nhân cho công ty Freend khu chế xuất Linh Trung I, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, anh S lái xe tải thuê cho tư nhân. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 11 năm 2010 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do anh S thường đi uống rượu, cờ bạc, mỗi lần cãi vã anh S đánh chị và đập đồ dùng trong gia đình, chị khuyên can nhưng anh S không sửa đổi. Chị và anh S không còn sống chung từ ngày 20 tháng 10 năm 2018 đến nay.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Ngô Hoàng S.

- *Về con chung*: Có một con chung tên Ngô Thanh V, sinh ngày 11 tháng 10 năm 2006 hiện đang sống với chị B. Sau khi ly hôn tùy theo nguyện vọng của cháu V muốn theo ai thì người đó nuôi dưỡng, người không trực tiếp nuôi dưỡng không phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị không còn yêu cầu nào khác.

*** Đối với bị đơn anh Ngô Hoàng S:**

Anh Ngô Hoàng S có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp An Nhơn, xã Trung Thành, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long nhưng hiện anh S không có mặt tại địa phương, đi không trình báo với chính quyền địa phương. Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh S cố tình không hợp tác.

*** Theo bảng khai ý kiến ngày 13 tháng 9 năm 2019 cháu Ngô Thanh V, sinh ngày 11 tháng 10 năm 2006 trình bày:** Khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng sống với mẹ.

Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

Nguyên đơn đã nộp: giấy khai sinh bản sao, giấy chứng nhận kết hôn bản chính, bảng khai ý kiến của cháu Ngô Thanh V.

Bị đơn anh Ngô Hoàng S không đến tham gia tố tụng tại Tòa án nên anh S không nộp tài liệu, chứng cứ nào.

Vào ngày 31 tháng 10 năm 2019 Tòa án đã tiến hành xác minh ông Lê Minh Đ là phó trưởng ấp A, xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long, theo ông Đ trình bày anh S và chị B kết hôn năm 2006, có đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới vợ chồng

sống chung nhà của bà Phan Thị M là mẹ ruột của anh S. Đến năm 2009 anh S đi làm tại thành phố Hồ Chí Minh một tháng về nhà một lần. Đến năm 2010 chị B cũng đi làm tại thành phố Hồ Chí Minh nhưng không có về địa phương. Ở địa phương không nghe nói anh S chị B có mâu thuẫn còn giữa anh chị có mâu thuẫn gì không thì anh không biết. Anh S vẫn còn chung hộ khẩu với bà Phan Thị M. Vào khoảng tháng 4 năm 2019 anh S có đến công an xã Trung Thành làm tờ có mất giấy chứng minh nhân dân. Anh S chị B có một con chung tên Ngô Thanh V, sinh năm 2006 khi anh S chị B sống chung bà M thì cháu V sống cùng. Đến năm 2010 chị B đi làm dần cháu theo đến nay không có về nhà bà Mối.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm phát biểu quan điểm: vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án, từ khi thụ lý đến phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự thủ tục.

Hướng giải quyết vụ án: áp dụng Điều 9, 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 28, 35, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

- Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị Ngọc B được ly hôn với anh Ngô Hoàng S.
- Về con chung: Giao con chung tên Ngô Thanh V, sinh ngày 11 tháng 10 năm 2006 cho chị B nuôi dưỡng. Chị B không yêu cầu anh Ngô Hoàng S phải cấp dưỡng nuôi con.
- Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.
- Các khoản nợ phải thu, phải trả: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.
- Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Buộc chị Trần Thị Ngọc B nộp tiền án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Ngoài ra đương sự không còn yêu cầu nào khác giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng từ khi thụ lý vụ án đến khi vụ án được đưa ra xét xử anh Ngô Hoàng S cố tình vắng mặt không lý do, không hợp tác với Tòa án để giải quyết vụ án, anh S biết chị B yêu cầu ly hôn với anh tại Tòa án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh S theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Mọi quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Ngọc B và anh Ngô Hoàng S là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Hôn nhân của anh chị do tự tìm hiểu quen biết có tổ chức lễ cưới vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long ngày 21 tháng 3 năm 2007. Theo lời trình bày của chị B thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 11 năm 2010 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do anh S thường đi uống rượu, cờ bạc, mỗi lần cãi vã anh S đánh chị và đập đồ dùng trong gia đình, chị khuyên can nhưng anh S không sửa đổi. Hiện nay anh chị không còn sống chung. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị B yêu cầu ly hôn với anh S là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Con chung: Giao con chung tên Ngô Thanh V, sinh ngày 11 tháng 10 năm 2006 cho chị Trần Thị Ngọc B nuôi dưỡng. Chị B không yêu cầu anh Ngô Hoàng S phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Tài sản chung: Chị Trần Thị Ngọc B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[5] Các khoản nợ phải thu, phải trả: Chị Trần Thị Ngọc B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị Trần Thị Ngọc B nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 28, 35, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Ngọc B.

[1] Về mối quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị Ngọc B được ly hôn với anh Ngô Hoàng S.

[2] Con chung: Giao con chung tên Ngô Thanh V, sinh ngày 11 tháng 10 năm 2006 cho chị Trần Thị Ngọc B nuôi dưỡng. Chị B không yêu cầu anh Ngô Hoàng S phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Ngô Hoàng S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3] Tài sản chung: Chị Trần Thị Ngọc B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[4] Các khoản nợ phải thu, phải trả: Chị Trần Thị Ngọc B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị Trần Thị Ngọc B nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N⁰ 0009830 ngày 15 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Chị B đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ sau ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử lại phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Huỳnh Văn Vui